

Số: **752**/QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày **10** tháng **11** năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 10/11/2023 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 05/11/2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 64 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 05/11/2023 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

**Điều 2.** Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.



**GS. TS. Phạm Bảo Dương**

# DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **752** /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày **10** tháng **11** năm 2023

của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

| TT | Số báo danh | Họ và tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|----|-------------|---------------------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|    |             |                     |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 1  | CNTT2164    | Hoàng Ngọc Anh      | 20/06/2003 | Lạng Sơn  | Nữ        | 8,5         | 5,5       | Đạt     |
| 2  | CNTT2165    | Lê Ngọc Ánh         | 29/12/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,0         | 10,0      | Đạt     |
| 3  | CNTT2166    | Nguyễn Thị Bích     | 14/02/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,5         | 9,0       | Đạt     |
| 4  | CNTT2167    | Trần Thị Buru       | 17/01/2003 | Lạng Sơn  | Nữ        | 9,5         | 10,0      | Đạt     |
| 5  | CNTT2168    | Nông Thị Chang      | 21/06/2002 | Lạng Sơn  | Nữ        | 9,5         | 7,0       | Đạt     |
| 6  | CNTT2169    | Hà Bình Dương       | 29/03/2003 | Bắc Giang | Nam       | 8,5         | 5,0       | Đạt     |
| 7  | CNTT2170    | Bùi Thị Hà          | 09/02/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 8,5       | Đạt     |
| 8  | CNTT2171    | Nguyễn Thị Hào      | 25/09/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,2         | 7,5       | Đạt     |
| 9  | CNTT2172    | Nguyễn Quang Hiếu   | 26/10/2003 | Bắc Giang | Nam       | 7,2         | 7,0       | Đạt     |
| 10 | CNTT2173    | Vũ Thị Hoa          | 20/12/2002 | Bắc Giang | Nữ        | 7,0         | 6,5       | Đạt     |
| 11 | CNTT2175    | Nguyễn Huy Hoàng    | 03/04/2003 | Bắc Giang | Nam       | 8,5         | 6,0       | Đạt     |
| 12 | CNTT2176    | Giáp Thúy Hường     | 11/05/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,5         | 8,0       | Đạt     |
| 13 | CNTT2178    | Dương Thị Ngọc Linh | 08/11/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,0         | 8,5       | Đạt     |
| 14 | CNTT2179    | Lại Thị Linh        | 29/04/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,5         | 7,5       | Đạt     |
| 15 | CNTT2180    | Nguyễn Thảo Linh    | 08/11/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 8,5       | Đạt     |
| 16 | CNTT2181    | Nguyễn Hà Cẩm Ly    | 22/06/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,5         | 9,5       | Đạt     |
| 17 | CNTT2182    | Thân Thế Nam        | 27/11/2003 | Bắc Giang | Nam       | 8,5         | 9,5       | Đạt     |
| 18 | CNTT2183    | Phạm Thúy Nga       | 07/12/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,2         | 9,0       | Đạt     |
| 19 | CNTT2184    | Nguyễn Thị Ngà      | 18/11/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,0         | 9,0       | Đạt     |
| 20 | CNTT2185    | Vi Đức Nguyên       | 20/01/2002 | Bắc Giang | Nam       | 8,2         | 5,0       | Đạt     |
| 21 | CNTT2186    | Hoàng Thị Nguyệt    | 15/10/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,0         | 6,0       | Đạt     |
| 22 | CNTT2187    | Vi Thị Nhi          | 20/12/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 9,0       | Đạt     |
| 23 | CNTT2188    | Nguyễn Thị Nhung    | 04/09/2005 | Bắc Giang | Nữ        | 9,2         | 9,5       | Đạt     |

th

| TT | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|----|-------------|------------------|--------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|    |             |                  |        |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 24 | CNTT2189    | Nguyễn Thị       | Phương | 18/06/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,7         | 6,5       | Đạt     |
| 25 | CNTT2190    | Lạc Thanh        | Tâm    | 10/08/2003 | Lạng Sơn  | Nữ        | 8,2         | 5,5       | Đạt     |
| 26 | CNTT2191    | Khổng Thị        | Thanh  | 27/07/2003 | Bắc Ninh  | Nữ        | 9,2         | 6,5       | Đạt     |
| 27 | CNTT2192    | Nguyễn Thị Minh  | Thanh  | 10/06/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,5         | 5,0       | Đạt     |
| 28 | CNTT2193    | Nguyễn Văn       | Thành  | 26/06/2003 | Bắc Giang | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 29 | CNTT2194    | Dương Thị Phương | Thảo   | 29/03/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 8,5         | 9,0       | Đạt     |
| 30 | CNTT2195    | Nguyễn Thanh     | Thảo   | 06/03/2003 | Lạng Sơn  | Nữ        | 9,0         | 8,0       | Đạt     |
| 31 | CNTT2196    | Trần Văn         | Thiệp  | 15/10/2003 | Bắc Giang | Nam       | 9,5         | 9,5       | Đạt     |
| 32 | CNTT2198    | Nguyễn Thị Thanh | Thúy   | 12/01/2003 | Bắc Ninh  | Nữ        | 9,2         | 7,0       | Đạt     |
| 33 | CNTT2199    | Thân Thị Kiều    | Trang  | 05/01/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 9,5         | 7,0       | Đạt     |
| 34 | CNTT2200    | Nguyễn Tiến      | Trung  | 05/05/1999 | Bắc Giang | Nam       | 9,5         | 9,5       | Đạt     |
| 35 | CNTT2201    | Nguyễn Anh       | Tuấn   | 06/01/2003 | Đắk Lắk   | Nam       | 8,7         | 9,5       | Đạt     |
| 36 | CNTT2203    | Nguyễn Thị       | Yên    | 25/10/2003 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 5,0       | Đạt     |
| 37 | CNTT2204    | Lê Thị Phương    | Anh    | 01/08/2000 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 38 | CNTT2205    | Nguyễn Thị       | Châm   | 21/05/1991 | Hưng Yên  | Nữ        | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 39 | CNTT2206    | Nguyễn Anh       | Dũng   | 02/12/1984 | Bắc Giang | Nam       | 8,2         | 8,0       | Đạt     |
| 40 | CNTT2207    | La Mỹ            | Duyên  | 23/01/2000 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 41 | CNTT2208    | Ngô Minh         | Đức    | 07/07/1993 | Bắc Giang | Nam       | 8,2         | 8,0       | Đạt     |
| 42 | CNTT2209    | Triệu Thị        | Hà     | 24/02/2000 | Lạng Sơn  | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 43 | CNTT2210    | La Thị           | Hảo    | 19/07/2001 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 8,0       | Đạt     |
| 44 | CNTT2211    | Phan Thị Thanh   | Hiền   | 23/12/2000 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 7,0       | Đạt     |
| 45 | CNTT2212    | Nguyễn Thị       | Hương  | 31/08/1994 | Thái Bình | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 46 | CNTT2213    | Vũ Thị           | Hương  | 23/08/1997 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 7,5       | Đạt     |
| 47 | CNTT2214    | Nguyễn Thị       | Lại    | 05/02/1989 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,0       | Đạt     |
| 48 | CNTT2215    | Nguyễn Thị Ngọc  | Lan    | 31/10/2004 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 49 | CNTT2216    | Nguyễn Thị       | Lành   | 08/06/1997 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 8,0       | Đạt     |



| TT | Số báo danh | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|----|-------------|-----------------|-------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|    |             |                 |       |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 50 | CNTT2217    | Hà Diệu         | Linh  | 07/09/2000 | Bắc Ninh  | Nữ        | 8,2         | 8,0       | Đạt     |
| 51 | CNTT2218    | Nguyễn Đức      | Mạnh  | 15/08/1999 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 52 | CNTT2220    | Ninh Thị        | Ngành | 18/09/1989 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 53 | CNTT2221    | Bạch Kim        | Ngân  | 29/10/1999 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 8,0       | Đạt     |
| 54 | CNTT2222    | Đoàn Thị        | Nhung | 18/03/1998 | Thanh Hóa | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 55 | CNTT2223    | Nguyễn Thị      | Nhung | 12/04/1984 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,0       | Đạt     |
| 56 | CNTT2224    | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 02/12/2000 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 57 | CNTT2225    | Vũ Thị Kim      | Oanh  | 12/03/1983 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,0       | Đạt     |
| 58 | CNTT2226    | Hoàng Minh      | Thảo  | 17/07/1994 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 59 | CNTT2227    | Nguyễn Văn      | Thắng | 10/11/2000 | Bắc Giang | Nam       | 8,2         | 7,5       | Đạt     |
| 60 | CNTT2228    | Trần Thị        | Thu   | 26/09/2002 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 61 | CNTT2229    | Nguyễn Thị      | Trà   | 27/07/2002 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,0       | Đạt     |
| 62 | CNTT2230    | Đồng Văn        | Tư    | 12/08/1991 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 63 | CNTT2231    | Dương Thị Cẩm   | Vân   | 25/12/1992 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,0       | Đạt     |
| 64 | CNTT2232    | Trịnh Hải       | Yến   | 17/05/2000 | Bắc Ninh  | Nữ        | 8,5         | 7,5       | Đạt     |

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 64./. *th*